

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN HẢI



KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CÔNG KHAI
NĂM HỌC 2025 - 2026

Hải Phòng, tháng 8 năm 2025

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN HẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 79/QĐ-THPTAH

An Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai minh bạch các hoạt động của nhà trường
Năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT AN HẢI

Căn cứ Thông tư số 40/TT – BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học loại hình tự thực; Công văn số 130/SGDDĐT-TCCB ngày 19/01/2022 của Sở GD&ĐT về việc triển khai Thông tư 40/2021/TT– BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ nhiệm vụ năm học 2025-2026 của trường THPT An Hải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai, minh bạch các hoạt động của trường THPT An Hải năm học 2025-2026 theo nội dung Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. (Có kế hoạch đính kèm).

Điều 2: Các bộ phận và các cá nhân trong trường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng KĐCL Sở GD&ĐT (để báo cáo);
- Các tổ chức, đoàn thể trong trường (để giám sát);
- Đăng Website nhà trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG


HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Hồng Diệu

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 80/BC-THPTAH

Hải Phòng, ngày 28 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CÔNG KHAI
NĂM HỌC 2025 - 2026

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 40/TT – BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học loại hình tư thục; Công văn số 130/SGDDT-TCCB ngày 19/01/2022 của Sở GD&ĐT về việc triển khai Thông tư 40/2021/TT– BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 2941/SGDDT-KTKĐ ngày 24/9/2024 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

Căn cứ Hướng dẫn số 3051/HDLS-GDDT-STC ngày 02/11/2020 về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Tham khảo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành kèm theo Thông tư

số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào Nghị quyết cuộc họp giữa Ban đại diện CMHS và nhà trường ngày 05/8/2025 thỏa thuận, thống nhất về nội dung, mục đích các khoản thu và kế hoạch, nhiệm vụ năm học 2025 -2026;

Trường THPT An Hải xây dựng kế hoạch thực hiện công khai trong nhà trường năm học 2025-2026 như sau:

A. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

- Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tính dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và nâng cao hiệu quả giáo dục;
- Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng một tập thể dân chủ, đoàn kết;
- Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong từng năm học;
- Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn;
- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng môi đoàn kết trong nội bộ trong trường học;
- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tập trung dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

B. CÁCH THỨC, THỜI GIAN CÔNG KHAI :

1. Cách thức công khai:

- Cách thức công khai theo Điều 14 Thông tư 09.

- Thực hiện Công văn số 2941/SGDĐT-KTKĐ ngày 24/9/2024 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

a) Công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

- Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

+ Liên tục trên trang thông tin điện tử Website của trường, Trên hệ thống eNetViet.

+ **Tối thiểu 05 năm kể từ ngày công bố công khai.**

- Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do cơ sở giáo dục thực hiện.
- Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại các phụ lục kèm theo Thông tư này (Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên)

b) Niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục:

- Thời điểm công khai: 02 lần (*Lần 1 thực hiện vào tháng 9/2025; Lần 2 thực hiện vào tháng 6/2026*)

Trong đó, trường đã thực hiện công khai Lần 1 trong tháng 8 và tháng 9/2025 (*Ngày 24/8/2025 công khai trong Hội nghị Ban ĐDCMHS trường;*) có hồ sơ kèm theo (Hệ thống bảng tin của nhà trường; Phòng giáo viên, phòng tiếp PHHS, sân trường)

- Thời gian công khai: Niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

c) Công khai tại cuộc họp cha mẹ học sinh:

- Ngày 24/8/2025 công khai trong cuộc họp toàn thể CMHS các lớp và niêm yết công khai trên hệ thống bảng tin nhà trường

2. Thời gian công khai: Điều 15.

- Thời gian công khai theo **Điều 15 Thông tư 09.**

- Thực hiện Công văn số 2941/SGDDĐT-KTKĐ ngày 24/9/2024 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

a. Thời điểm công khai của các cơ sở giáo dục như sau: Công bố công khai các nội dung theo quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2, **Điều 14 của Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.**

b. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, **bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;**

c. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

- + Liên tục trên trang thông tin điện tử Website của trường, Trên hệ thống eNetViet.

+ **Tối thiểu 05 năm kể từ ngày công bố công khai.**

C. NỘI DUNG CÔNG KHAI:

(Thực hiện theo Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên)

I. CÔNG KHAI THÔNG TIN CHUNG (2) - TRƯỜNG THPT AN HẢI

NĂM HỌC 2025 – 2026

(Kèm theo Quyết định số 79/QĐ-THPTAH ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THPT An Hải)

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT An Hải

2. Địa chỉ trụ sở chính

- Tổ dân phố 7, Phường An Dương, thành phố Hải Phòng
- Hotline: 0225.626.517
- Gmail: thpt-anhai@haiphong.edu.vn
- Website: thptanhai.haiphong.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp:

- Loại hình: Tư thục.
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng : Tiên phong trong đổi mới giáo dục, đào tạo chất lượng cao, phát triển tinh thần tự chủ, trách nhiệm của học sinh với bản thân, gia đình và đất nước.

4.2. Tầm nhìn: Trở thành trường trung học phổ thông chất lượng cao toàn diện. Ứng dụng công nghệ giáo dục trong dạy học đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện đại.

4.3. Mục tiêu chiến lược của nhà trường:

- Từng bước thay đổi chất lượng giáo dục để xây dựng Trường THPT An Hải trở thành một mô hình giáo dục “Tiên phong trong đổi mới” tại thành phố Hải Phòng.
- Từng bước nâng cao trình độ ngoại ngữ và Tin học cho học sinh. Yêu cầu học sinh học Trường THPT An Hải phải thành thạo Tin học và giao tiếp tốt Tiếng Anh để sau 03 năm học tốt nghiệp ra trường các em phải Hội nhập được và có một việc làm tốt.
- Kết hợp “*Dạy chữ - Dạy người và định hướng nghề nghiệp*”.
- Xây dựng hình ảnh của nhà trường tích cực trong suy nghĩ và hành động của phụ huynh, tạo được sự tin yêu, niềm tin của phụ huynh.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên trình độ cao, có tinh thần học hỏi và say mê tích cực trong giảng dạy, giáo dục học sinh.
- Xây dựng một tập thể nhà trường mà mỗi thành viên đều thấy trách nhiệm, nghĩa vụ, tình yêu của mình với ngôi trường, với học sinh.
- Xây dựng hình ảnh người học sinh tích cực, năng động và nhân ái. Xây dựng hình ảnh người cán bộ, giáo viên mẫu mực trong dạy học và cuộc sống.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

5.1. Lịch sử hình thành nhà trường

- Năm thành lập: 17-07-1997
- Tên gọi: Trường Dân lập An Hải - Trường THPT Tư Thục An Hải
- Ban sáng lập: Bà Nguyễn Thị Xuân; Ông Vũ Hữu Lý; Ông Nguyễn Minh Tuấn; Ông Phạm Văn Đức - là những người đồng sáng lập nhà trường
- Địa điểm: Kho Vật tư Nông nghiệp - số 81 đường 351, Thị trấn An Dương, Huyện An Dương
- Những năm đầu hoạt động, trường phải thuê địa điểm, cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy còn manh mún, 100% giáo viên thỉnh giảng. Tuy nhiên, bằng tâm huyết, sự nỗ lực của Ban sáng lập, sự nhất trí cao của các bậc phụ huynh và sự mong mỏi của các em học sinh. Nhà trường đã quyết tâm xây dựng phát triển trường THPT An Hải trở thành địa điểm giáo dục chất lượng-uy tín.

5.2. Sự phát triển của nhà trường

- Năm chính thức xây dựng: 2003
- Tên gọi: Trường THPT An Hải
- Địa điểm chính thức: Tổ dân phố 7, Thị trấn An Dương, Huyện An Dương
- Tổng diện tích nhà trường: 11.500m²
- Hội đồng trường: Bà Nguyễn Thị Xuân – Chủ tịch HĐQT
- Số vốn đầu tư
- + Giai đoạn 2004-2010: 25 tỷ
- + Giai đoạn 2010- 2020: 45 tỷ
- + Giai đoạn 2020 - nay: 65 tỷ
- Các thành tích nổi bật của nhà trường
- + Trường được UBND thành phố công nhận: “Trường chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3”, “Tập thể lao động xuất sắc”
- + 15 năm liên tục, từ 2009- 2010 đến năm học 2024-2025: luôn là một trong ba trường đứng top đầu trong khối thi đua các trường Ngoài công lập
- + Trường được Bộ GD&ĐT, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen: ***“Đã có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo, góp phần xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”***

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Dịu
- Chức vụ: Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường
- Số điện thoại: 0963.026.699
- E-mail: hongdiu.ah@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập và giai đoạn đổi tên loại hình trường.

Quyết định số 1178/QĐ-UB ngày 17/7/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Trường Phổ thông trung học Dân lập An Hải.

Quyết định số 705/QĐ-UB ngày 09/5/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chuyển Trường Phổ thông trung học Dân lập An Hải thành Trường Trung học phổ thông Tư thục An Hải.

Quyết định số 1461/QĐ-UBND ngày 10/8/2007 của UBND thành phố cho phép đổi tên Trường Trung học phổ thông Tư thục An Hải thành Trường THPT An Hải.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường:

- Quyết định công nhận chủ tịch hội đồng trường và các thành viên hội đồng Hội đồng trường: Quyết định số 1155/QĐ-SGDĐT ngày 21/9/2022 Công nhận Hội đồng trường Trường THPT An Hải nhiệm kỳ 2022-2027.
- Danh sách các thành viên hội đồng Hội đồng trường: 05 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Góp vốn đầu tư
1	Bà Nguyễn Thị Xuân	Chủ tịch HĐQT	Nhà đầu tư
2	Ông Vũ Trung Linh	Ủy viên	Nhà đầu tư
3	Ông Vũ Công Minh	Ủy viên	Nhà đầu tư
4	Bà Phạm Thị Thu Hương	Ủy viên	Không
5	Bà Nguyễn Thị Hồng Dịu	Thư ký	Không

c. Quyết định công nhận Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Quyết định công nhận	Năm công nhận	Số điện thoại
1	Nguyễn Thị Hồng Dịu	Hiệu trưởng	Số: 145/QĐ-SGDĐT-TCCB	Năm 2020	0963026699
2	Nguyễn Quang Hiếu	Phó Hiệu trưởng 1	Số: 144/QĐ-SGDĐT-TCCB	Năm 2020	0973888182
3	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Hiệu trưởng 2	Số: 1302/QĐ-SGDĐT-TCCB	Năm 2020	0972521107

d. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của trường.

*** Quy chế tổ chức và hoạt động của trường (nội dung chính):**

- Hội đồng trường đại diện các nhà đầu tư; xây dựng chiến lược phát triển nhà trường; quy định trách nhiệm nghĩa vụ của các thành viên Hội đồng trường; ban kiểm soát, thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục ban hành kèm theo Thông tư số: 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT. Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện luật dân chủ trong hoạt động nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường.

- Hiệu trưởng đề nghị thành lập các tổ chức chính trị, xã hội trong trường; thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, bổ nhiệm tổ trưởng, nhóm trưởng các tổ chuyên môn, văn phòng; Phân công các thành viên BGH quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; CSVC, VSMT... phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện theo yêu cầu Hội đồng trường và của các cấp có thẩm quyền quản lý học sinh và các hoạt động GD; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học

bạ, quyết định khen thưởng, kỉ luật học sinh. Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:**

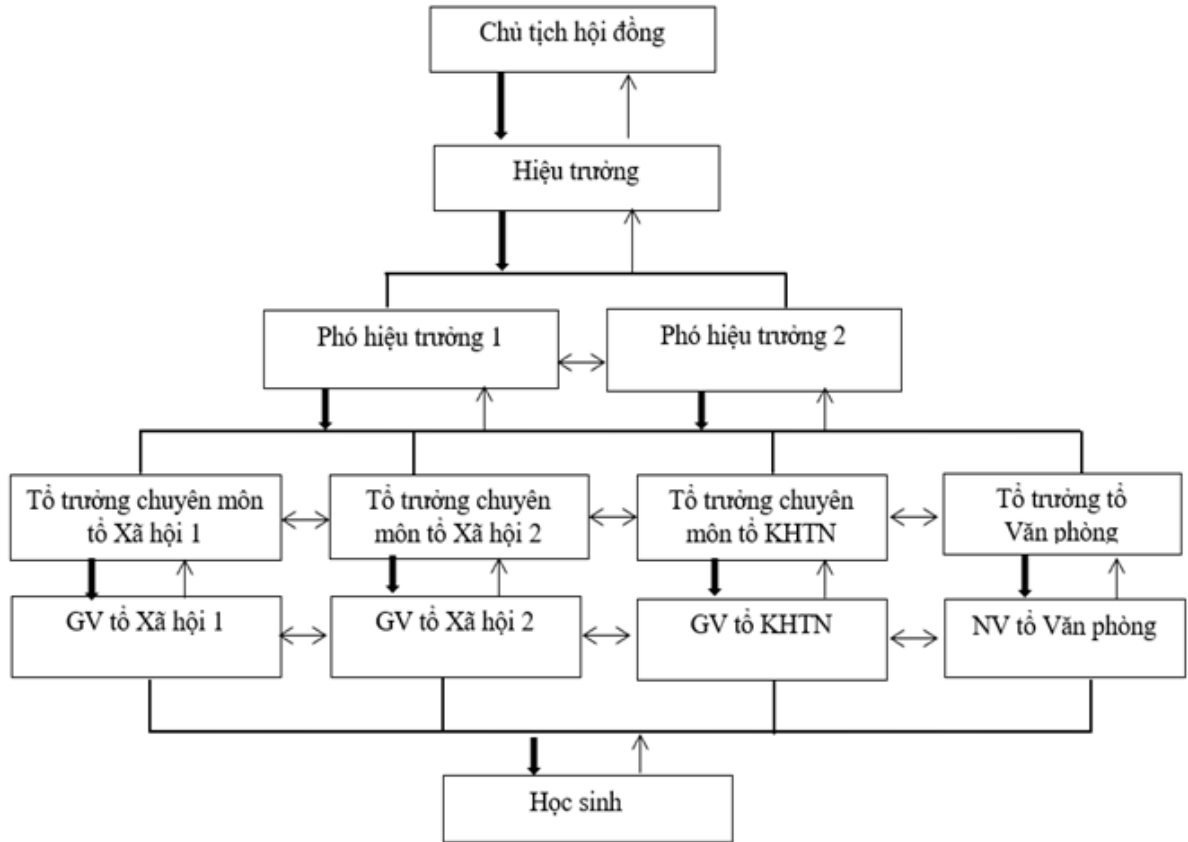
- Trường có nhiệm vụ và quyền hạn như trường phổ thông công lập theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục, ban hành kèm theo Thông tư số: 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT.

- Trường tự chủ và tự chịu trách nhiệm về quy hoạch, kế hoạch phát triển; xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên; huy động, sử dụng và quản lý các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông.

- Trường có trách nhiệm báo cáo công khai các mặt hoạt động tài chính, giáo dục của nhà trường theo quy định tại Thông tư số 09/2004/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và yêu cầu của các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

- Trường thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

• **Sơ đồ tổ chức bộ máy:**



Sơ đồ cơ cấu tổ chức Trường THPT An Hải

Chú thích:

Quan hệ chỉ đạo: - Quan hệ báo cáo: - Quan hệ phối hợp:

đ. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử của ban lãnh đạo nhà trường.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Hồng Dịu	Hiệu trưởng	0963026699	hongdiu.ah@gmail.com
2	Nguyễn Quang Hiếu	Phó Hiệu trưởng 1	0973888182	hieu79ah@gmail.com
3	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Hiệu trưởng 2	0972521107	t0906084588@gmail.com

8. Các văn bản khác của nhà trường:

- Quy chế tổ chức hoạt động;
- Chiến lược phát triển;
- Hợp đồng lao động;
- Quy chế dân chủ cơ sở (Thực hiện theo Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số: 10/2022/QH ngày 10/11/2022);
- Thỏa ước lao động tập thể;
- Bộ quy tắc ứng xử;
- Nghị quyết của Hội đồng trường;
- Quyết định tăng lương theo thời hạn, trước thời hạn;
- Thông báo tuyển dụng...

II. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN (2) - TRƯỜNG THPT AN HẢI.

NĂM HỌC 2025 – 2026

(Kèm theo Quyết định số 79/QĐ-THPTAH ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THPT An Hải)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ được đào tạo Vị trí việc làm						Kết quả bồi dưỡng hàng năm		Số lượng CBQLGV đạt chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Số lượng	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số GV, CBQL và NV	68	0	23	36	2	2	5	64	100	50	8	0	0
I	Giáo viên													
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	57	0	20	36	0	0	0	51	100	50	8	0	0
1	Toán	8	0	6	2	0	0	0	8	100	7	1	0	0
2	Vật lý	3	0	0	3	0	0	0	3	100	3	0	0	0
3	Hóa học	2	0	0	2	0	0	0	2	100	1	1	0	0
4	Sinh học	2	0	1	1	0	0	0	1	100	2	0	0	0
5	Tin học	2	0	1	1	0	0	0	2	100	4	0	0	0
6	Ngữ văn	9	0	2	7	0	0	0	9	100	6	3	0	0
7	Lịch sử	6	0	4	2	0	0	0	6	100	6	0	0	0
8	Địa lý	3	0	0	3	0	0	0	3	100	2	1	0	0
9	GDKT&PL	6	0	5	1	0	0	0	4	100	5	1	0	0
10	NN	7	0	1	6	0	0	0	6	100	7	0	0	0
11	CN	2	0	0	2	0	0	0	1	100	2	0	0	0
12	GDTC	2	0	0	2	0	0	0	2	100	1	1	0	0
13	GDQP&AN	2	0	0	2	0	0	0	1	100	2	0	0	0
14	Âm nhạc	3	0	0	2	0	0	0	3	100	2	0	0	0
II	Cán bộ quản lý													
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	1	100	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	1	0	0	0	0	2	100	2	0	0	0

III	Nhân viên													
1	Văn thư	1	0	0	0	0	1	0						
2	Kế toán	1	0	0	1	0	0	0						
3	Thủ quỹ	1	0	0	0	1	0	0						
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	1	0	0						
5	Thư viện	1	0	0	0	0	1	0						

**III. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP
SỬ DỤNG CHUNG (4) - TRƯỜNG THPT AN HẢI NĂM HỌC 2025 – 2026**
(Kèm theo Quyết định số 79/QĐ-THPTAH ngày 28 tháng 8 năm 2025 của
Hiệu trưởng trường THPT An Hải)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	35	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	35	
1	Phòng học kiên cố	35	54 m ² /phòng
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	30->60 m ² /phòng
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	200 m ²
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	54 m ² /phòng
8	Bình quân học sinh/lớp	46,3	
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)		11.500 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²) - Sân bóng = 1200 m ² - Sân tập có mái = 400 m ² - Đường chạy = 500 m ² - Sân chơi = 1500 m ²	4	3.600 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	35	54 m ² /phòng
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	6	30->60 m ² /phòng
3	Diện tích thư viện (m ²)	1	200 m ²
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	1	400 m ²
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	2	200 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		1 bộ/lớp

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10		25 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 11		20 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 12		22 bộ/lớp
1.4	Khối lớp ...		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		05 bộ/lớp
2.2	Khối lớp 11		07 bộ/lớp
2.3	Khối lớp 12		08 bộ/lớp
2.4	Khối lớp ...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		-
1	Màn hình led	2	
2	Cát xét	10	
3	Đầu Video/đầu đĩa	10	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác: Camera	52	
6	Bình nóng lạnh	2	
7	Tủ thư viện lớp, tủ đựng	33	
8	Điều hòa	80	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	35	33/33 lớp
5	Thiết bị khác: Camera thu phát âm thanh	52	33/33
6	Bình nóng lạnh	2	
7	Tủ thư viện lớp/tủ đựng điện thoại	33	33/33
8	Điều hòa	80	66/33

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	30

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh *	5	20	5	20	2	30	2	30
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*								

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

XX. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của pháp luật

1. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 NĂM 2025 – 2026 (Không điều chỉnh)

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
1	TOÁN 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	NXB GIÁO DỤC
2	NGŨ VĂN 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	NXB GIÁO DỤC
3	TIẾNG ANH 10 Explore New Worlds	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân	NXB GIÁO DỤC
4	LỊCH SỬ 10	Cánh diều	Đỗ Thanh Bình	NXB Đại học Huế
5	ĐỊA LÝ 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh	NXB GIÁO DỤC
6	GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Mai Phương	NXB GIÁO DỤC
7	VẬT LÝ 10	Kết nối tri thức	Vũ Văn Hùng	NXB GIÁO DỤC

		với cuộc sống		
8	HÓA HỌC 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Kim Long	NXB GIÁO DỤC
9	SINH HỌC 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Văn Lập	NXB GIÁO DỤC
10	TIN HỌC 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	NXB GIÁO DỤC
11	GIÁO DỤC THỂ CHẤT 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	NXB GIÁO DỤC
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	NXB GIÁO DỤC
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc	NXB GIÁO DỤC
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc	NXB GIÁO DỤC
12	QUỐC PHÒNG AN NINH 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nghiêm Viết Hải	NXB GIÁO DỤC
13	CÔNG NGHỆ 10 (Thiết kế và công nghệ)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	NXB GIÁO DỤC
14	CÔNG NGHỆ 10 (Công nghệ trồng trọt)	Cánh diều	Nguyễn Tất Thắng	NXB Đại học Huế
15	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	NXB GIÁO DỤC

2. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 NĂM 2025 – 2026 (Không điều chỉnh)

T T	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Trường THPT An Hải
1	TOÁN 11	Cánh diều (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Đỗ Đức Thái	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Hà Huy Khoái	1
		Chân trời sáng tạo (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Trần Nam Dũng	
		Cùng khám phá (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Lê Thị Hoài Châu	
2	NGŨ VĂN 11	Cánh diều (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Bùi Mạnh Hùng	1
		Chân trời sáng tạo (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Nguyễn Thành Thi	

3	TIẾNG ANH 11	Global Success	Hoàng Văn Vân	1
		Friends Global	Vũ Mỹ Lan	
		THiNK	Nguyễn Thị Diệu Hà	
		English Discovery	Trần Thị Lan Anh	
		Explore New Worlds (Cánh điều)	Nguyễn Thanh Bình	
		Bright	Võ Đại Phúc	
		i-learn Smart World	Võ Đại Phúc	
		C21-Smart	Lê Hoàng Dũng	
		Macmillan Move On	Hoàng Tăng Đức	
4	GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11	Cánh điều (GDKT&PL 11, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (GDKT&PL 11, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Minh Đoan	1
		Chân trời sáng tạo (GDKT&PL 11, Chuyên đề học tập)	Huỳnh Văn Sơn	
6	LỊCH SỬ 11	Cánh điều (Lịch sử 11, Chuyên đề học tập)	Đỗ Thanh Bình	1
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Lịch sử 11, Chuyên đề học tập)	Vũ Minh Giang	
		Chân trời sáng tạo (Lịch sử 11, Chuyên đề học tập)	Hà Minh Hồng	
7	ĐỊA LÍ 11	Chân trời sáng tạo (Địa lí 11)	Nguyễn Kim Hồng	
		Chân trời sáng tạo (Chuyên đề học tập Địa lí 11)	Mai Phú Thanh, Hoàng Trọng Tuấn	
		Cánh điều	Lê Thông – Nguyễn Đức Vũ	
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh , Nguyễn Thị Vũ Hà .	1
8	VẬT LÍ 11	Cánh điều (Vật lí 11, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Văn Khánh	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Vật lí 11, Chuyên đề học tập)	Vũ Văn Hùng	1
		Chân trời sáng tạo	Phạm Nguyễn Thành Vinh	
9	HÓA HỌC 11	Cánh điều (Hóa học 11, Chuyên đề học tập Hóa học 11)	Trần Thành Huế	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Hóa học 11, Chuyên đề học tập Hóa học 11)	Lê Kim Long	1
		Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác	
11	SINH HỌC 11	Cánh điều (Sinh học 11, Chuyên đề học tập Sinh học 11)	Mai Sỹ Tuấn	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Sinh học 11, Chuyên đề học tập Sinh học 11)	Phạm Văn Lập	1
		Chân trời sáng tạo	Tổng Xuân Tám	
11	TIN HỌC	Cánh điều	Hồ Sĩ Đàm	

11		Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long	
		Định hướng Khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long	1
		Chuyên đề học tập Tin học 11, Định hướng Tin học ứng dụng	Phạm Thế Long	
		Chuyên đề học tập Tin học 11, Định hướng Khoa học máy tính	Phạm Thế Long	1
		Tin học ứng dụng (Cánh điều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Khoa học máy tính (Cánh điều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Chuyên đề học tập Tin học 11, Tin học ứng dụng (Cánh điều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Chuyên đề học tập Tin học 11, Khoa học máy tính (Cánh điều)	Hồ Sĩ Đàm	
12	CÔNG NGHỆ 11	Công nghệ cơ khí + Chuyên đề học tập Công nghệ cơ khí (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	1
		Công nghệ chăn nuôi + Chuyên đề học tập CN chăn nuôi (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	
		Công nghệ cơ khí + Chuyên đề học tập Công nghệ cơ khí (Cánh điều)	Nguyễn Trọng Khanh	
		Công nghệ chăn nuôi + Chuyên đề học tập CN chăn nuôi (Cánh điều)	Nguyễn Tất Thắng	1
13	ÂM NHẠC 11	Kết nối tri thức với cuộc sống (Âm nhạc 11, Chuyên đề học tập Âm nhạc 11)	Phạm Phương Hoa	1
		Cánh điều	Nguyễn Hoàng Hậu	
		Chân trời sáng tạo (Âm nhạc 11, Chuyên đề học tập Âm nhạc 11)	Hồ Ngọc Khải	
14	MĨ THUẬT 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Chuyên đề học tập Mỹ thuật 11	Đình Gia Lê	
		Hội họa	Đình Gia Lê	
		Kiến trúc	Đình Gia Lê	
		Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện	Đình Gia Lê	
		Lí luận và lịch sử mỹ thuật	Đình Gia Lê	
		Đồ họa (tranh in)	Đình Gia Lê	
		Điêu khắc	Đình Gia Lê	
		Thiết kế thời trang	Đình Gia Lê	
		Thiết kế đồ họa	Đình Gia Lê	
		Thiết kế công nghiệp	Đình Gia Lê	
		Thiết kế mỹ thuật, sân khấu điện ảnh	Đình Gia Lê	
15	GIÁO DỤC THỂ CHẤT 11	Bóng chuyền 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc	
		Bóng rổ 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc	1
		Bóng đá 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết	

		sống)		
		Cầu lông 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết	
		Bóng đá 11 (Cánh diều)	Đình Quang Ngọc	
		Bóng rổ 11 (Cánh diều)	Đình Quang Ngọc	
		Cầu lông 11 (Cánh diều)	Đình Quang Ngọc	
		Đá cầu 11 (Cánh diều)	Đình Quang Ngọc	
16	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11	Cánh diều	Nguyễn Dục Quang	
		Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	
		Chân trời sáng tạo 2	Đinh Thị Kim Thoa	
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	1
17	GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 11	Giáo dục quốc phòng và an ninh 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nghiêm Viết Hải	1
		Giáo dục quốc phòng và an ninh 11		

3. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 NĂM 2025 – 2026 (Không điều chỉnh)

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Trường THPT An Hải lựa chọn
1	TOÁN 12	Cánh diều (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Đỗ Đức Thái	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Hà Huy Khoái	1
		Chân trời sáng tạo (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Trần Nam Dũng	
		Cùng khám phá (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Lê Thị Hoài Châu	
2	NGỮ VĂN 12	Cánh diều (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Bùi Mạnh Hùng	1
		Chân trời sáng tạo (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Nguyễn Thành Thi	
3	TIẾNG ANH 12	Global Success	Hoàng Văn Vân	1
		Friends Global	Vũ Mỹ Lan	

		THiNK	Nguyễn Thúy Lan	
		English Discovery	Trần Thị Lan Anh	
		Explore New Worlds (Cánh điều)	Nguyễn Thanh Bình	
		Bright	Võ Đại Phúc	
		i-learn Smart World	Võ Đại Phúc	
		C21-Smart	Lê Hoàng Dũng	
		Macmillan Move On	Hoàng Tăng Đức	
4	GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12	Cánh điều (GDKT&PL 12, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (GDKT&PL 12, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Minh Đoan	1
		Chân trời sáng tạo (GDKT&PL 12, Chuyên đề học tập)	Huỳnh Văn Sơn	
6	LỊCH SỬ 12	Cánh điều (Lịch sử 12, Chuyên đề học tập)	Đỗ Thanh Bình	1
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Lịch sử 12, Chuyên đề học tập)	Vũ Minh Giang	
		Chân trời sáng tạo (Lịch sử 12, Chuyên đề học tập)	Hà Minh Hồng	
7	ĐỊA LÍ 12	Chân trời sáng tạo (Địa lí 12)	Nguyễn Kim Hồng	
		Chân trời sáng tạo (Chuyên đề học tập Địa lí 12)	Nguyễn Kim Hồng	
		Cánh điều	Lê Thông	
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh	1
8	VẬT LÍ 12	Cánh điều (Vật lí 12, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Văn Khánh	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Vật lí 12, Chuyên đề học tập)	Vũ Văn Hùng	1
		Chân trời sáng tạo	Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải	
9	HÓA HỌC 12	Cánh điều (Hóa học 12, Chuyên đề học tập Hóa học 12)	Trần Thành Huế	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Hóa học 12, Chuyên đề học tập Hóa học 12)	Lê Kim Long	1

		Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác	
12	SINH HỌC 12	Cánh điều (Sinh học 12, Chuyên đề học tập Sinh học 12)	Đinh Quang Báo	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Sinh học 12, Chuyên đề học tập Sinh học 12)	Phạm Văn Lập	1
		Chân trời sáng tạo	Tổng Xuân Tám	
12	TIN HỌC 12	Cánh điều	Hồ Sĩ Đàm	
		Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long	
		Định hướng Khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long	1
		Chuyên đề học tập Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng	Phạm Thế Long	
		Chuyên đề học tập Tin học 12, Định hướng Khoa học máy tính	Phạm Thế Long	1
		Tin học ứng dụng (Cánh điều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Khoa học máy tính (Cánh điều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Chuyên đề học tập Tin học 12, Tin học ứng dụng (Cánh điều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Chuyên đề học tập Tin học 12, Khoa học máy tính (Cánh điều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Tin học ứng dụng (Chân trời sáng tạo)	Hoàng Văn Kiêm	
		Khoa học máy tính (Chân trời sáng tạo)	Hoàng Văn Kiêm	
		Chuyên đề học tập Tin học 12, Tin học ứng dụng (Chân trời sáng tạo)	Hoàng Văn Kiêm	
		Chuyên đề học tập Tin học 12, Khoa học máy tính (Chân trời sáng tạo)	Hoàng Văn Kiêm	
12	CÔNG NGHỆ 12	Công nghệ Điện - Điện tử + Chuyên đề học tập Công nghệ Điện - Điện tử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	1
		Công nghệ Lâm nghiệp-Thủy sản + Chuyên đề học tập CN Lâm nghiệp-Thủy sản (Kết nối	Lê Huy Hoàng	

		tri thức với cuộc sống)		
		Công nghệ Điện - Điện tử + Chuyên đề học tập Công nghệ Điện - Điện tử (Cánh điều)	Nguyễn Trọng Khanh	
		Công nghệ Lâm nghiệp-Thủy sản + Chuyên đề học tập CN Lâm nghiệp-Thủy sản (Cánh điều)	Nguyễn Tất Thắng	1
13	ÂM NHẠC 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (Âm nhạc 12, Chuyên đề học tập Âm nhạc 12)	Phạm Phương Hoa	1
		Cánh điều	Nguyễn Hoàng Hậu	
		Chân trời sáng tạo (Âm nhạc 12, Chuyên đề học tập Âm nhạc 12)	Hồ Ngọc Khải	
14	MĨ THUẬT 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Chuyên đề học tập Mỹ thuật 12	Đinh Gia Lê	
		Hội họa	Đinh Gia Lê	
		Kiến trúc	Đinh Gia Lê	
		Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện	Đinh Gia Lê	
		Lí luận và lịch sử mỹ thuật	Đinh Gia Lê	
		Đồ họa (tranh in)	Đinh Gia Lê	
		Điêu khắc	Đinh Gia Lê	
		Thiết kế thời trang	Đinh Gia Lê	
		Thiết kế đồ họa	Đinh Gia Lê	
		Thiết kế công nghiệp	Đinh Gia Lê	
15	GIÁO DỤC THỂ CHẤT 12	Bóng chuyền 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc	
		Bóng rổ 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc	
		Bóng đá 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết	1
		Cầu lông 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc	
		Bóng đá 12 (Cánh điều)	Đinh Quang Ngọc	
		Bóng rổ 12 (Cánh điều)	Đinh Quang Ngọc	
		Cầu lông 12 (Cánh điều)	Đinh Quang Ngọc	

		Đá cầu 12 (Cánh điều)	Đinh Quang Ngọc	
16	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 12	Cánh điều	Nguyễn Dục Quang	
		Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	1
17	GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 12	Giáo dục quốc phòng và an ninh 12 (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam)	Nghiêm Viết Hải	1
		Giáo dục quốc phòng và an ninh 12 (Nhà xuất bản Đại học sư phạm)	Nguyễn Thiện Minh	

IV. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC (5) - TRƯỜNG THPT AN HẢI – NĂM HỌC 2025 – 2026

(Kèm theo Quyết định số 79/QĐ-THPTAH ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THPT An Hải)

1. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG:

Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.2. Đánh giá tiêu chí mức 1,2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1		x	x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	Không có	
Tiêu chí 1.3		x	x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	Không đạt	Sĩ số HS trên 40 (QĐ không quá 40 HS/lớp)

Tiêu chí 1.6		x	x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	Không có	
Tiêu chí 1.8		x	x	Không có	
Tiêu chí 1.9		x	x	Không có	
Tiêu chí 1.10		x	x	Không có	
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1		x	x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x	
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1		x	x	Không đạt	Diện tích đạt 7,48m ² (QĐ ít nhất 10m ² /HS)
Tiêu chí 3.2		x	x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	Không có	
Tiêu chí 3.5		x	x	Không đạt	Diện tích đạt 8,16 m ² (QĐ ít nhất 10m ² /HS)
Tiêu chí 3.6		x	x	Không đạt	Thiết bị cũ, còn thiếu so với yêu cầu đổi mới của CTPT 2018
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1		x	x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	x	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1		x	x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	Không có	
Tiêu chí 5.4		x	x	Không có	
Tiêu chí 5.5		x	x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x	x	HS bỏ học = 1% (QĐ bỏ học không quá 1%)

Kết quả: Chưa đạt Mức 2

1.3. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1	x		Kế hoạch giáo dục tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến các nước trong khu vực và thế giới
Tiêu chí 2		x	
Tiêu chí 3		x	

Tiêu chí 4	x		Thư viện hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại phù hợp tiêu chuẩn khu vực và quốc tế
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6		x	

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Cấp độ 2



2. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG SAU TỰ ĐÁNH GIÁ:

2.1. Về công tác chỉ đạo, tuyên truyền.

- Hoạt động tốt website nhà trường, thường xuyên tuyên truyền phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đến mọi tầng lớp nhân dân.

2.2. Kế hoạch triển khai thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn

Tiêu chí	Người thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Thời gian thực hiện	Giải pháp
Tiêu chí 1.1	Hiệu trưởng nhà trường		Các năm	- Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và

	- GV phụ trách website -Ban Tuyên truyền, tuyển sinh.		học 2022-2023-2024-2025-2026	<i>phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.</i> <i>- Hoạt động tốt website nhà trường, thường xuyên tuyên truyền phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đến mọi tầng lớp nhân dân.</i> <i>- Tiếp thu các góp ý rộng rãi của nhân dân trong huyện.</i>
Tiêu chí 1.3	Bí thư chi bộ Phó bí thư chi bộ CT Công đoàn Bí Thư đoàn		Các năm học 2022-2023-2024-2025-2026	- Giữ vững Chi Bộ Đảng trong sạch, vững mạnh, hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao - Các đoàn thể xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể, công khai - Phân công phụ trách các hoạt động chuyên biệt, trách chông chéo, kiêm nhiệm. - Tổ chức nhiều hoạt động (nghiên cứu khoa học, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện, hướng nghiệp...) đóng góp hiệu quả trong hoạt động nhà trường và cộng đồng.
Tiêu chí 1.4	-Các thành viên tổ văn phòng - Tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn			- Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động cụ thể, chi tiết, đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường. Hàng năm rà soát , đánh giá, điều chỉnh. - Tổ chuyên môn tổ chức các chuyên đề chuyên môn , đổi mới PPDH hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục - Tạo điều kiện cho GV học nâng cao trình độ trên chuẩn, tham gia đầy đủ các buổi tập huấn.
Tiêu chí 1.5	-Phó hiệu trưởng Nguyễn Quang Hiếu		Các năm học 2022-2023-2024	- Hàng năm sắp xếp cơ sở học sinh trong mỗi lớp không có quá 40 học sinh (vừa phù hợp với nguyện vọng của HS và PHHS vừa phù hợp với mục tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường về phân loại đối tượng HS)

			2024- 2025 2025- 2026	
Tiêu chí 1.6	- Hội đồng trường			- Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. - Học tập và áp dụng hiệu quả các phần mềm Kế toán chuyên phục vụ doanh nghiệp FAST.
Tiêu chí 2.1	-Hiệu trưởng			- Hàng năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt. - Đồng chí Phó hiệu trưởng Nguyễn Thanh Tùng cần hoàn thiện chứng chỉ ngoại ngữ theo chuẩn vào năm 2026.
Tiêu chí 2.2	-Hiệu trưởng			Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho ĐNGV theo chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở GD phổ thông. Tập huấn nâng cao về phương pháp tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS, hướng dẫn HS nghiên cứu KHKT.
Tiêu chí 2.3	Nhân viên			- Hằng năm, nhân viên được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.
Tiêu chí 2.4	-GV quản lý các câu lạc bộ			- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ ngoại khóa. -Các câu lạc bộ ngoại khóa có HS tham gia thi các giải cấp thành phố, quốc gia. - Hàng năm có giải KHKT cấp thành phố. Phần đầu có giải KHKT cấp quốc gia. - Tạo điều kiện cho HS ôn thi lấy chứng chỉ quốc tế MOS, IELTS....

2.3. Giải pháp về chính sách (nguồn kinh phí)

Nhà trường có trách nhiệm đầu tư tài chính, CSVC, văn phòng phẩm và các điều kiện khác để thu thập tư liệu, xây dựng và bảo quản bộ hồ sơ tự đánh giá theo đúng quy định.

3. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI VÀ CÔNG NHẬN TRƯỜNG ĐẠT KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG, ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA:

3.1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia (nếu có)

- Thời gian nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia: **12/11/2020**
- Mức độ được công nhận: **Đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1**
- Thời gian hết hiệu lực: **Tháng 11/ 2025**



3.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1

3.3. Đánh giá chung.

a. Điểm mạnh

- Tháng 11/2020 Trường THPT An Hải được Giám đốc Sở GD&ĐT chứng nhận “Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2”
- Tháng 11/2020, Trường THPT An Hải được Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng trao Bằng công nhận “Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1”.

Trường THPT An Hải trở thành trường THPT ngoài công lập đầu tiên trên địa bàn thành phố được công nhận trường chuẩn Quốc gia.

b. Hạn chế.

- Nhà trường mới đạt “Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2” và “Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1”.
- Trang thiết bị chưa đầy đủ theo Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT.

c. Nguyên nhân của hạn chế.

- Do là trường Ngoài công lập không có sự đầu tư của nhà nước nên chưa có nhiều điều kiện thuận lợi để đầu tư trang thiết bị đầy đủ theo Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT.

- Giải pháp: Nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục của nhà trường trong giai đoạn 2025-2026 và tầm nhìn 2025 – 2030. Lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; Thầy và trò trường THPT An Hải tiếp tục tập trung sức lực, vật lực vào công tác tự đánh giá các tiêu chí chưa đạt được ở Mức 2, Mức 3...

4. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

4.1. Mục tiêu: Mục tiêu đến tháng 12 năm 2026 đạt kiểm định cấp độ 3. Đạt chuẩn mức độ 2

4.2. Kế hoạch:

4.2.1. Năm học: 2025-2026.

- Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá
- Triển khai các văn bản về công tác kiểm định chất lượng:
- Thông qua Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Thông qua kế hoạch tự đánh giá của trường THPT An Hải.
- Hướng dẫn thu thập thông tin minh chứng.

4.2.2. Năm học: 2026-2027.

* Học kì I năm học: 2026-2027.

- Dự kiến các minh chứng cần thu thập

+ *Phân tích tiêu chí, tìm minh chứng*

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

+ *Dự kiến các minh chứng cần thu thập*

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (đóng thành quyển riêng) theo mẫu:

Đối với Mức 1, Mức 2 và Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Dự kiến các minh chứng cần thu thập	Nơi thu thập	Nhóm công tác, cá nhân thu thập	Dự kiến chi phí (Nếu có)	Ghi chú

- Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính và các điều kiện liên quan khác và thời điểm cần huy động)

- Hướng dẫn cách viết phiếu đánh giá tiêu chí.

1. Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG;
2. Các nhóm chuyên trách hoặc cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG;
3. Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (Trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng)
4. Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có).
5. Dự thảo báo cáo TĐG

*** Học kì II năm học: 2026-2027.**

1. Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung.
2. Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường;
3. Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG;
4. Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến góp ý
5. Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, đề xuất KH cải tiến chất lượng.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Tổ chức thực hiện	Các hoạt động cụ thể
Ban giám hiệu/các tổ chức đoàn thể	1. Hợp lãnh đạo nhà trường để thảo luận dự kiến các thành viên Hội đồng TĐG, nhóm thư kí và các vấn đề có liên quan đến các hoạt động TĐG. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG. 3. Triển khai họp Hội đồng TĐG: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Hội đồng TĐG; phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp cho các nhóm công tác và cá nhân; - Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp hội đồng TĐG triển khai hoạt động TĐG (nếu có); - Dự thảo và ban hành kế hoạch TĐG. 4. Phổ biến kế hoạch TĐG đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên liên quan. 5. Tổ chức hội thảo/tập huấn /hội nghị về nghiệp vụ TĐG toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên liên quan. 6. Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG; 7. Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung. 8. Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường; 9. Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG; 10. Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến góp ý 11. Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, đề xuất KH cải tiến chất lượng. 12. Gửi báo cáo TĐG và công văn trong đó có nội dung đã hoàn thành hoạt động tự đánh giá về Sở GD&ĐT. 13. Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện. 14. Tổ chức bảo quản báo cáo TĐG, các minh chứng và tài liệu liên quan theo

Tổ chức thực hiện	Các hoạt động cụ thể
	quy định. 15. Tổ chức thực hiện các KH cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn. 16. Cập nhật lại báo cáo TĐG (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký đánh giá ngoài với cơ quan có thẩm quyền.
Tổ nhóm chuyên môn/cá nhân	1. Các nhóm công tác, cá nhân xác định nội hàm thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí. 2. Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được 3. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng minh chứng đã thu thập được. 4. Lập bảng Danh mục mã minh chứng. 5. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí. 6. Các nhóm chuyên trách hoặc cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG; 7. Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (Trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng) 8. Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có). 9. Các thành viên của Hội đồng TĐG ký tên vào danh sách trong báo cáo TĐG; Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành;

V. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC(6) **TRƯỜNG THPT AN HẢI – NĂM HỌC 2025– 2026**

(Kèm theo Quyết định số 79/QĐ-THPTAH ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THPT An Hải)

1. KẾT QUẢ TUYỂN SINH:

Năm học	Chỉ tiêu	HS diện có thi CL	HS diện không thi
2023-2024	450+30 = 480	284/480 = 59.16%	196/480 = 40,84%
2024-2025	490+30 =520	248/510 = 48,62%	262/ 510 = 51,38%
2025-2026	540+ 34 = 574	309/574= 53.83%	265/ 574 = 46,2%

2. PHÂN TÍCH QUY MÔ KHỐI LỚP, ĐỘ TUỔI, ĐÔI TƯỢNG.

	Học sinh	Đơn vị tính	Tổng số			
			Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
					Tổng	Nữ
	A	B	1	2	3	4
1.1.	Tổng quy mô	người				
1.2.	Quy mô chia theo vùng:					
	- Trung du, đồng bằng, thành phố	người	1537	765	6	3

	- Miền núi vùng sâu, hải đảo	người				
	<i>Trong đó : Học sinh ở khu vực thành thị</i>	người				
1.3.	Quy mô chia ra theo lớp					
	- Học sinh lớp 10	người	574	290	1	
	- Học sinh lớp 11	người	494	229	2	1
	- Học sinh lớp 12	người	469	246	3	2
1.4.	Quy mô chia ra theo độ tuổi					
	- Dưới 15 tuổi	người	1			
	- 15 tuổi	người	559	281	1	
	- 16 tuổi	người	498	234	2	1
	- 17 tuổi	người	472	248	3	2
	- Trên 17 tuổi	người	7	2		
	Trong đó học sinh đi học đúng tuổi					
	- Học sinh 15 tuổi học lớp 10	người	560	281	1	
	- Học sinh 16 tuổi học lớp 11	người	484	225	2	1
	- Học sinh 17 tuổi học lớp 12	người	461	244	3	2
3.5.	Trong tổng quy mô có:					
	- Học sinh mới tuyển đầu cấp	người	574			
	- Học sinh lưu ban năm học trước đang học lại trong năm học này	người	0			
	+ Lưu ban lớp 10	người	0			
	+ Lưu ban lớp 11	người	0			
	+ Lưu ban lớp 12	người	0			
	- Học sinh học 2 buổi/ngày	người	1537			
	- Học sinh dân tộc nội trú	người	0			
	- Học sinh khuyết tật học hòa nhập	người	0			
	Trong đó :					
	+ Khuyết tật về nhìn	người				
	+ Khuyết tật về nghe, nói	người				
	+ Khuyết tật về trí tuệ	người				
	+ Khuyết tật về vận động	người				
	+ Khuyết tật thần kinh, tâm thần	người				
	- Học sinh học tin học	người				
	- Học sinh được tư vấn giáo dục hướng nghiệp	người				
3.6.	Học sinh thuộc đối tượng chính sách	người	10			
3.6.1	Học sinh được miễn học phí	người				
3.6.2	Học sinh được giảm học phí	người				
3.6.3	Học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	người				

3.6.4	- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người được hỗ trợ học tập	người				
3.6.5	Hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và gạo	người				

3. KẾT QUẢ HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2024– 2025:

- Năm học 2024-2025 đạt 04 giải học sinh giỏi, trong đó có 03 giải các môn văn hóa:

- + 01 giải Nhì môn Tiếng Anh;
- + 03 giải KK môn Giáo dục kinh tế và pháp luật;
- + 01 giải Giải Tư Khoa học kỹ thuật cấp thành phố;

- Năm học 2024-2025 có 05 thầy cô giáo đạt Giáo viên dạy Giỏi cấp thành phố.

4. KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT 2025:

a. Phân tích kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2025:

- Chỉ tiêu nhà trường: 98%
- Kết quả đạt được : 100% (KQ Toàn thành phố = 99,38%)

Môn	NĂM 2024					NĂM 2025				
	Tỷ lệ TTB trường	Điểm Tb Sở	Điểm Tb trường	xếp thứ	So sánh	Tỷ lệ TTB trường	Điểm Tb Sở	Điểm Tb trường	xếp thứ	So sánh
Toán	82,4 %	6.78	6,047	46/65	Giữ nguyên	27,4	5.19	4.35	44/65	Tăng 2 bậc
Văn	99.5 %	7.99	8,292	26/65	Tăng 3 bậc	99.1	6.94	7.17	30/65	Giảm 4 bậc
Anh	27.0 %	5.98	4.118	55/65	Giảm 4 bậc	20.4	5.46	4.16	54/65	Tăng 1 bậc
Sử	85.3 %	6.846	6.179	52/65	Giảm 1 bậc	93.0	6.64	6.79	44/65	Tăng 6 bậc
Địa lí	98.5 %	7.577	7.410	45/65	Giảm 19 bậc	87.0	6.71	6.67	44/65	Tăng 1 bậc
GD CD	99.5 %	8.609	8.286	48/65	Giảm 11 bậc	99.1	7.83	7.72	46/65	Tăng 2 bậc

b. Bảng tổng hợp xếp hạng toàn thành phố Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT các năm:

Năm	Số TS	Đạt tỷ lệ	Tỷ lệ chung TTP	Điểm Tb TN	Xếp thứ TTP	XL 25 NCL	So sánh năm học trước
2022	419/420	99,76%	99,49	6,538 điểm	44/62	12/22	Tăng 4 bậc so với năm học trước
2023	405/406	99,75%	99,30	6,519 điểm	44/62	10/22	Giữ nguyên so với năm học trước
2024	394/394	100%	99,66	6,710 điểm	45/65	10/25	Giảm 01 bậc so với năm học trước
2025	423/423	100%	99,38%	6,236 điểm	37/65	9/25	Tăng 8 bậc so với năm học trước

VI. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ TÀI CHÍNH (7)**TRƯỜNG THPT AN HẢI – NĂM HỌC 2025 – 2026.**

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 71/QĐ-THPTAH

An Dương, ngày 08 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố công khai các khoản thu năm học 2025-2026****HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT AN HẢI**

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 40/TT – BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học loại hình tư thục; Công văn số 130/SGDDĐT-TCCB ngày 19/01/2022 của Sở GD&ĐT về việc triển khai Thông tư 40/2021/TT– BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ nhiệm vụ năm học 2025-2026 của trường THPT An Hải.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai các khoản thu năm học 2025- 2026 của trường THPT An Hải (có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ trưởng văn phòng, kế toán, bộ phận tài vụ, các tổ chuyên môn và các phòng ban có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi gửi

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Diệu

PHỤ LỤC CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại Điều 8: Khoản 4.a.b Đối với cơ sở giáo dục dân lập, tư thục.

a) Cơ sở giáo dục dân lập, tư thục được quyền chủ động xây dựng mức thu học phí và giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (trừ dịch vụ do Nhà nước định giá) bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý, có trách nhiệm công khai, giải trình với người học và xã hội về mức thu học phí, giá các dịch vụ do mình quyết định;

b) Cơ sở giáo dục dân lập, tư thục có trách nhiệm thuyết minh chi phí giáo dục, đào tạo bình quân một học sinh, mức thu học phí hàng năm, mức thu học phí toàn cấp học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và toàn khóa học đối với cơ sở giáo dục đại học; thuyết minh lộ trình và tỷ lệ tăng học phí các năm tiếp theo (tỷ lệ tăng hằng năm không quá 15% đối với đào tạo đại học; tỷ lệ tăng không quá 10% đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông) và thực hiện công khai theo quy định của pháp luật và giải trình với người học, xã hội;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 40/TT – BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học loại hình tư thục; Công văn số 130/SGDĐT-TCCB ngày 19/01/2022 của Sở GD&ĐT về việc triển khai Thông tư 40/2021/TT– BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Hướng dẫn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GD&ĐT về việc Hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026.

Căn cứ Hướng dẫn số 3051/HDLS-GDĐT-STC ngày 02/11/2020 về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Tham khảo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào Nghị quyết cuộc họp giữa Ban đại diện CMHS và nhà trường ngày 05/8/2025 thỏa thuận, thống nhất về nội dung, mục đích các khoản thu và kế hoạch, nhiệm vụ năm học 2025 -2026;

Trường THPT An Hải phối hợp với Ban Đại diện Cha mẹ học sinh nhà trường thống nhất các khoản thu trong năm học 2025-2026 như sau:

TT	Nội dung thu	Số tiền	Ghi chú									
1	Học phí: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại <u>Điều 8: Khoản 4.a. Đối với cơ sở giáo dục dân lập, tư thục: Cơ sở giáo dục dân lập, tư thục được quyền chủ động xây dựng mức thu học phí và giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo</u> (trừ dịch vụ do Nhà nước định giá) bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý, có trách nhiệm công khai, giải trình với người học và xã hội về mức thu học phí, giá các dịch vụ do mình quyết định;											
	-Theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở từ tháng 7/2024 = 2.340.000đ tăng 30% so với Nghị định 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 quy định mức lương cơ sở từ tháng 7/2023 = 1.800.000đ.											
	<table><tr><td>Nội dung thu</td><td>Lớp Mô hình mới</td><td>Lớp Mô hình truyền thống</td></tr><tr><td>Thu tiền học phí cả năm học</td><td>16,500,000đ/HS/năm.</td><td>14,300,000đ/HS/năm.</td></tr><tr><td>Mức tăng học phí so với năm 2024-2025</td><td>10%</td><td>10%</td></tr></table>			Nội dung thu	Lớp Mô hình mới	Lớp Mô hình truyền thống	Thu tiền học phí cả năm học	16,500,000đ/HS/năm.	14,300,000đ/HS/năm.	Mức tăng học phí so với năm 2024-2025	10%	10%
	Nội dung thu	Lớp Mô hình mới	Lớp Mô hình truyền thống									
	Thu tiền học phí cả năm học	16,500,000đ/HS/năm.	14,300,000đ/HS/năm.									
Mức tăng học phí so với năm 2024-2025	10%	10%										
Ghi chú: Học phí thu thành 03 đợt trong năm (Đối với phụ huynh có hoàn cảnh khó khăn thì nộp theo từng tháng)												
2	Vở học sinh	240.000đ/hs/năm	(6 quyển 200 trang +10 quyển 120 trang)									
3	Sách giáo khoa	Từ 320.000/hs/năm	Giá cụ thể theo từng môn học lựa chọn/từng khối lớp									
4	Tin nhắn EnetViet	150.000đ/năm										
5	Phần mềm Ap Onluyen	540.000đ/năm	Chỉ áp dụng cho HS khối 10									
6	Quần áo đồng phục											
	Áo đồng phục mùa hè	120.000đ/chiếc										
	Quần đồng phục (Quần dài)	160.000đ/chiếc										
	Áo zile	160.000đ/chiếc										
	Áo đồng phục mùa đông	240.000đ/ chiếc										
	Bộ đồng phục TDTT	240.000đ/bộ										

	Bộ đồng phục GDQP&AN	270.000đ/bộ	
7	Bảo hiểm y tế năm 2026		
	Thu khối 10,11 = Mức lương tối thiểu 2.340.000 x 4.5% x 50% x 12 tháng = 631.800đ / HS/năm.	631.800đ/ HS/năm.	Căn cứ theo Nghị định 188/2025/NĐ –CP của chính phủ ngày 01/7/2025 hướng dẫn thi hành một số điều của luật bảo hiểm y tế
	Thu khối 12 = Mức lương tối thiểu 2.340.000 x 4.5% x 50% x 9 tháng = 473.850đ/ HS/9 tháng	473.850đ/ HS/9 tháng.	
8	Thu trông coi xe đạp học sinh: Theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.		
	Xe đạp thường	Miễn phí	Thu theo thực tế học sinh đi xe
	Xe đạp điện /Xe máy điện	50.000đ/tháng	
9	Kinh phí hoạt động của Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp năm học 2025-2026 (từ sự ủng hộ tự nguyện của cha mẹ học sinh và nguồn tài trợ hợp pháp khác)		Nhận theo sự tài trợ, ủng hộ tự nguyện của Ban đại diện CMHS và PHHS lớp

Ghi chú: *Từ năm học 2021-2022 Hội đồng nhân dân thành phố hỗ trợ học phí cho HS THPT (Cả HS Công lập và ngoài công lập).*

- **Mức hỗ trợ học phí** bằng mức học phí được Hội đồng nhân dân thành phố quy định trên địa bàn cho từng cấp học theo từng năm học (**125.000đ/tháng**).

- **Hình thức hỗ trợ:** Hỗ trợ trực tiếp cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) ký nhận tiền hỗ trợ (Nhà trường sẽ chuyển trực tiếp số tiền hỗ trợ học phí cho cha mẹ HS)

An Dương, ngày 08 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Diệu

**VII. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC(8)) - TRƯỜNG THPT AN HẢI
NĂM HỌC 2024 – 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-THPTAH ngày 27 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng trường THPT An Hải)*

1. MỤC TIÊU (NHIỆM VỤ) TRỌNG TÂM:

- **Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CT GDPT)** bảo đảm tính khoa học, sư phạm;
 - Đảm bảo thực hiện tốt, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục.
 - Thực hiện hiệu quả dạy học 2 buổi/ngày.
- **Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh**, tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện;
 - **Đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THPT;**
 - Thực hiện đổi mới thi tốt nghiệp THPT từ năm 2026 => **Phấn đấu duy trì đỗ Tốt nghiệp 100%, xếp thứ 35/65 trường phía Đông TP Hải Phòng.**
 - Đảm bảo tính dân chủ, công khai thống nhất giữa các tổ chức trong nhà trường; Phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;
 - Tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;
 - Đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp phát triển các kỹ năng cho HS; thúc đẩy và nâng cao giáo dục STEM, giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau THPT.
- 3. Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và năng lực tự chủ, sáng tạo từ tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.**
 - Tập trung thực hiện chuyển đổi số trong quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh;
 - Xây dựng phòng học thông minh;
 - Đẩy mạnh giáo dục STEM trong nhà trường;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ số trong dạy và học, trong quản lý;
- 100% CBGV có máy tính xách tay áp dụng các phần mềm trong giảng dạy.
- Tiếp tục đào tạo 01 CLB Tin học theo chuẩn quốc tế (chứng chỉ MOS).

=> Lợi thế của chứng chỉ MOS:

- + MOS là chứng chỉ duy nhất xác nhận kỹ năng sử dụng phần mềm tin học văn phòng Microsoft Office và do Microsoft trực tiếp cấp chứng chỉ.
- + Chứng chỉ MOS có giá trị trên toàn thế giới.
- + Chứng chỉ MOS có giá trị vô thời hạn (giá trị trọn đời)
- + Sau tốt nghiệp THPT các em học Đại học nếu đã có chứng chỉ MOS được miễn 1 học phần Tin học trong Đại học và miễn đầu ra tin học .
- + Sau tốt nghiệp THPT các em đi làm khi đã có chứng chỉ MOS thì 100% các em có cơ hội tuyển dụng và nghề nghiệp ổn định với mức lương cao.

4. Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm chất lượng thực hiện CT GDPT 2018;

- Đẩy mạnh công tác tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên;
- **Đổi mới trong công tác quản lý, quản trị trường học và tăng cường công tác kiểm tra.**
- Tiếp tục tuyển dụng thêm GV các môn: Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử, Tin học, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn, Tiếng Trung.

5. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, bảo đảm an toàn trường học;

- Thực hiện dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả;
- Chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.
- Tổ chức các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, liên kết với các công ty doanh nghiệp, các trường Đại học, Cao đẳng giúp các em lựa chọn ngành nghề, đảm bảo chất lượng đầu ra.

6. Đẩy mạnh việc dạy và học ngoại ngữ trong trường để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế đào tạo công dân toàn cầu.

- Khuyến khích học sinh tham gia các kỳ thi theo chuẩn quốc tế để đạt chuẩn đầu ra theo quy định như: IELTS, TOEFL, APTIS;
- Tăng cường việc dạy câu lạc bộ ngoại ngữ tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Trung Quốc;

- Tăng cường việc dạy và học chương trình tin học theo chuẩn quốc tế và thi Chứng chỉ MOS đối với THPT.

7. **Đa dạng hóa hình thức tổ chức các CLB trong trường như CLB ngoại ngữ, CLB môn học, CLB năng khiếu, CLB sở thích, CLB STEM và CLB nghiên cứu khoa học để phát huy tối đa NL tiềm ẩn của HS.**

8. Tiếp tục và nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn duy trì kết quả kiểm định chất lượng giáo dục để đạt trường học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục - Cấp độ 3; Trường đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2 trong năm học 2025- 2026.

2. CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU NĂM HỌC 2025-2026.

Năm học 2025 - 2026 thầy và trò nhà trường quyết tâm nỗ lực nâng cao chất lượng công tác của các thành viên trong hội đồng giáo dục nhà trường, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm và các chỉ tiêu phân đầu chủ yếu trong năm học như sau:

2.1. Công tác tư tưởng chính trị.

- 100% CBGVNV thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

- Đẩy mạnh việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường, tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

- 100% CBGVNV không sinh con thứ ba trở lên.

- 100% CBGVNV thực hiện đúng Bộ Quy tắc ứng xử trong nhà trường.

- Giới thiệu từ 2->3 đồng chí CĐV xuất sắc cho Chi Bộ xem xét cử đi bồi dưỡng kết nạp Đảng.

2.2. Công tác xây dựng đội ngũ:

- 100% CBGVNV không vi phạm quy chế chuyên môn.

- 100% GV tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

- 100% giáo viên được xếp loại từ đạt yêu cầu trở lên trong đó có 70% giáo viên được xếp loại Khá, Giỏi về công tác giảng dạy.

- Đẩy mạnh phong trào tự học, nghiên cứu khoa học, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và các nhà giáo đạt chuẩn nghề nghiệp.

- **Phấn đấu 100% CB, GV, NV tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn có hiệu quả. Động viên từ 1 – 2 đồng chí giáo viên đi học Thạc sỹ.**

- **Phấn đấu từ 10-> 12 giáo viên đạt DH CSTĐ cấp cơ sở, từ 6-> 8 giáo viên được Chủ tịch UBND Thành phố tặng Bằng khen, Giám đốc Sở GD&ĐT và Công đoàn ngành tặng Giấy khen.**

2.3. Về chất lượng giáo dục toàn diện:

- **Phấn đấu nhà trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 trong giai đoạn 2025–2027;**

- **Từng bước thay đổi chất lượng học sinh để đảm bảo chất lượng giáo dục.**

- **Từng bước nâng cao trình độ ngoại ngữ cho học sinh trong nhà trường.**

*** Cuối năm học, tất cả HS đều được đánh giá phẩm chất và năng lực :
Phần đầu Nâng cao chất lượng toàn diện:**

- **Kết quả phẩm chất và năng lực:** 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh;
- + Tỷ lệ học sinh đạt **Kết quả rèn luyện Khá, Tốt trên 98%.**
- + Tỷ lệ học sinh **lên lớp thẳng đạt từ 98% trở lên.**
- + Tỷ lệ học sinh đạt **Kết quả học tập Tốt (Đạt HS Giỏi) trên 30.0%.**
- + Tỷ lệ học sinh đạt **Kết quả học tập Khá trên 55%.**
- **Tăng cường công tác phát hiện và bồi dưỡng HSG, phần đầu đạt 8 đến 10 giải HS Giỏi thành phố và đạt giải trong các cuộc thi/năm.**
- **Phần đầu duy trì tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT 2026 đạt 100%.**
- 100% HS được định hướng nghề nghiệp, phân luồng sau tốt nghiệp THPT. Duy trì tỷ lệ học sinh vào các trường ĐH **đạt 80% trở lên (Tính theo tỷ lệ HS dự thi).**

- **Giảm tỷ lệ học sinh bỏ học: Tỷ lệ HS bỏ học không quá 1,0%.**

*** Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, biết giao tiếp, ứng xử đúng mực. Tích cực tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp.**

*** Sức khỏe:** Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng, chống các dịch bệnh thông thường, dịch Covid, khám bệnh không để xảy ra tai nạn tương tích và giao thông đối với học sinh.

2.3. Mục tiêu của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên:

- 100% CBGVNV thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và nhiệm vụ chính trị của nhà trường.
- **Đẩy mạnh việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường, tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.**
- 100% CBGVNV không vi phạm quy chế chuyên môn.
- 100% giáo viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.
- 100% giáo viên được xếp loại từ đạt yêu cầu trở lên trong đó có 75% giáo viên được xếp loại Khá, Giỏi về công tác giảng dạy.
- **Đẩy mạnh phong trào tự học, nghiên cứu khoa học, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và các nhà giáo đạt chuẩn nghề nghiệp.**
- 100% CBGVNV thực hiện đúng Bộ Quy tắc ứng xử trong nhà trường.

- Phần đầu 100% CB, GV, NV tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn có hiệu quả.
Động viên từ 2 → 3 đồng chí giáo viên đi học Thạc sĩ.

- Phần đầu từ 01 → 02 GV tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi thành phố cấp THPT năm học 2024-2025;

- **Phần đầu từ 10 → 12 giáo viên đạt DH CSTĐ cấp cơ sở, từ 6 → 8 giáo viên được Chủ tịch UBND Thành phố tặng Bằng khen, Giám đốc Sở GD&ĐT tặng Giấy khen.**

- Giới thiệu từ 2 → 3 đồng chí CDV xuất sắc cho Chi Bộ xem xét cử đi bồi dưỡng kết nạp Đảng.

2.4. Giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh, y tế học đường và công tác xây dựng cơ sở vật chất, an ninh, an toàn trường học.

- **Sức khỏe:** 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế. Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng, chống các dịch bệnh thông thường, dịch Covid, khám bệnh không để xảy ra tai nạn tương tích và giao thông đối với học sinh.

- Đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. Tham gia đầy đủ các giải thể thao cấp quận, cấp thành phố, cấp quốc gia.

- 100% học sinh học Giáo dục quốc phòng và an ninh đạt yêu cầu trở lên.

- Cam kết thực hiện học sinh nhà trường *Nói không với bạo lực, rượu, thuốc lá, ma túy và văn hoá phẩm đồi trụy.*

- Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học cho thầy và trò trong giảng dạy, học tập.

- Tiếp tục xây dựng, tu sửa, mua sắm bổ sung và hoàn thiện cơ sở vật chất của nhà trường, tạo cảnh quan trường học **Xanh, Sạch, Đẹp. Đảm bảo** cơ sở vật chất, trang thiết bị cho việc triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 10, 11. Gắn việc sử dụng với tu bổ, bảo quản, thực hiện việc tiết kiệm điện, nước và các trang thiết bị khác.

2.5. Thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua

- 100% học sinh tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua: Thực hiện chỉ thị 05-CT/TW của Bộ chính trị về đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Phong trào thi đua dạy tốt học tốt, “*xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”.

- Mỗi bộ môn tổ chức 01 hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo.

- 100% học sinh tham gia đầy đủ các hoạt động nhân đạo.

- Đẩy mạnh việc giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, giáo dục trải nghiệm hướng nghiệp, giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh ... theo tinh thần lồng ghép và tích hợp. Khuyến khích mỗi bộ môn tổ chức 01 hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo.

2.6. Các danh hiệu thi đua:

- Giữ vững vị trí **một trong 4 trường dẫn đầu** khối THPT Ngoài công lập của Thành phố Hải Phòng.

- Được Chủ tịch UBND Thành phố tặng danh hiệu “**Tập thể lao động xuất sắc**”, **tặng Bằng khen**.
- Chi Bộ đạt “**Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**”.
- Công đoàn đạt “**Công đoàn vững mạnh xuất sắc**” và được các cấp tặng Bằng khen.
- Đoàn thanh niên được **Thành đoàn, Trung Ương Đoàn tặng Bằng khen**.

3. CÁC NHIỆM VỤ KHÁC:

3.1. Nhà trường đã đẩy mạnh công tác tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, tinh thần trách nhiệm và hiệu quả công tác GD và dạy học của đội ngũ CBGVNV toàn trường.

3.1. Đổi mới phương pháp và hình thức dạy học: Nâng cao chất lượng dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; Đa dạng hóa phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, chuyển từ truyền thụ kiến thức sang phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu; Tăng cường ứng dụng CNTT, AI, học liệu số vào quá trình dạy – học; Bồi dưỡng năng lực đổi mới phương pháp cho đội ngũ giáo viên, hình thành văn hóa đổi mới trong nhà trường THPT An Hải. Trong đó, tập trung thực hiện hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá nhằm phát huy phẩm chất, năng lực học sinh; Đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp, phát triển các kỹ năng cho học sinh;

3.3. Nhà trường tiếp tục đầu tư CSVC theo chiều sâu, hiện đại; Xây dựng phòng học thông minh, thư viện điện tử, hoạt động giáo dục STEM; Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với tất cả các khối lớp, đặc biệt đối với lớp 12.

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên về vị trí, vai trò và ý nghĩa của giáo dục STEM trong trường trung học; thống nhất nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức thực hiện giáo dục STEM trong nhà trường.

- Tăng cường áp dụng giáo dục STEM trong giáo dục trung học nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và giáo viên về việc tổ chức, quản lý, xây dựng và thực hiện dạy học theo phương thức giáo dục STEM.

3.4. Thống nhất giữa các tổ chức trong trường chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học, đảm bảo tính dân chủ, công khai, chất lượng và hiệu quả cao. Thực hiện KỶ CƯƠNG – SÁNG TẠO – ĐỘT PHÁ – PHÁT TRIỂN;

3.5. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong quản lý, dạy học và truyền thông giáo dục.

- Tích cực khai thác Hệ hồng học tập điện tử; Tích cực ứng dụng CNTT, khai thác ứng dụng công nghệ AI; triển khai thực hiện hiệu quả và thiết thực công tác chuyển đổi số trong công tác quản lý GD, dạy học, hoạt động GD và quản lý kết quả học tập và rèn luyện của HS.

- Xây dựng đội ngũ cốt cán chuyển đổi số. Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng CNTT cho 100% đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh đảm bảo mục tiêu chuyển đổi số ***(100% CBGV nhà trường đã hoàn thành chương trình giáo viên nòng cốt thực hiện chuyển đổi số, hướng tới xây dựng trường học thông minh của học viện tư vấn chuyển đổi số Việt Nam - Có chứng nhận kèm theo).***

- Hoàn thiện hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số (đường truyền internet băng rộng, phòng máy tính thực hành, âm thanh,...) phục vụ dạy học trên các phòng học, phòng sinh hoạt chuyên môn chung .

- Hoàn thiện thu thập thông tin cán bộ giáo viên và học sinh lên CSDL ngành.

- Áp dụng các phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc điện tử nhà trường.

- Triển khai dạy học trực tuyến; triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số.

- Số hóa hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Tham gia xây dựng hệ thống học liệu dùng chung phục vụ dạy học, phục vụ người tự học, tự nghiên cứu trên nhiều phương tiện khác nhau bao gồm cả thiết bị di động.

- Sử dụng các phần mềm quản lý tài chính, tài sản do ngành cung cấp.

3.6. Xây dựng môi quan hệ phối hợp giữa nhà trường với CMHS, xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an ninh, an toàn trường học.

- Tăng cường GDHS tự giác chấp hành Luật giao thông đường bộ; Tư vấn, hướng nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho HS toàn trường. XD lớp học hạnh phúc, trường học hạnh phúc để HS thực sự cảm thấy hạnh phúc mỗi khi đến trường, góp phần giữ vững và phát huy truyền thống của nhà trường, có kết quả đầu ra luôn đứng trong TOP đầu khối trường THPT của TP HP.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức Pháp luật trong đội ngũ CB-GV-NV và HS toàn trường

+ Tổ chức công tác tuyên truyền các văn bản của Đảng, nhà nước, cấp ủy, chính quyền các cấp liên quan ANTT; những quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng chống HIV/AIDS, phòng chống tệ nạn xã hội, luật ATGT; những quy định của ngành GD&ĐT về đạo đức nhà giáo, về rèn luyện phẩm chất đạo đức của học sinh; nội quy, quy định của nhà trường về công tác bảo vệ ANTT...nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ, giáo viên và học sinh.

+ Tổ chức kí cam kết xây dựng “***Trường học an toàn về ANTT***”; Kí cam kết “***Không sản xuất, tàng trữ vận chuyển, buôn bán và sử dụng trái phép vũ khí-Vật liệu nổ- công cụ hỗ trợ, pháo, đèn trời và đồ chơi nguy hiểm. Không đốt pháo trong và ngoài nhà trường***”.

- Kiện toàn công tác tổ chức

+ củng cố, kiện toàn Ban An toàn an ninh, trật tự trường học.

+ Thành lập đội an ninh tự quản trong giáo viên và học sinh, Đội hình Học sinh tình nguyện, xây dựng phong trào lớp tự quản.

- Quy định nhiệm vụ cụ thể của lực lượng bảo vệ trường, Đội tự vệ cơ quan trường học, lực lượng xung kích, và trách nhiệm đội Tự quản lớp

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình, lực lượng công an và các cơ quan, tổ chức về An toàn, an ninh trật tự trường học

+ Phối hợp với Công an An Dương rà soát, bổ sung quy chế phối hợp hoạt động. Xác định rõ trách nhiệm, vai trò, vị trí của từng lực lượng trong thực hiện công tác đảm bảo ANTT trường học tại nhà trường. Việc trao đổi thông tin và giải quyết các vụ việc liên quan ANTT tại trường học giữa các lực lượng phải đảm bảo yếu tố chặt chẽ, kịp thời.

+ Phối hợp với các gia đình học sinh trong quản lý, giáo dục con em mình. Duy trì thường xuyên việc gặp gỡ cha mẹ học sinh để nắm tình hình học tập rèn luyện của từng em tại trường học, kịp thời ngăn chặn các tình huống phát sinh, đối với những học sinh có nguy cơ sa đà vào con đường hư hỏng.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý đối với các nhân viên bảo vệ, trách nhiệm đội tự vệ cơ quan, trách nhiệm giáo viên chủ nhiệm, đội đặc nhiệm lớp. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các lớp, các tổ chức, bộ phận trong trường học. Phát huy hết tinh thần trách nhiệm, để bảo vệ tốt tài sản nhà trường, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm kỷ luật nhà trường, vi phạm pháp luật trong học sinh.

+ Ký giao kết với Công an An Dương để thực hiện phối hợp tuyên truyền phòng chống thanh thiếu niên vi phạm pháp luật, rà soát đối tượng học sinh có nguy cơ vi phạm nội qui nhà trường, học sinh gây rối trật tự ngoài xã hội để giáo dục răn đe.

+ Kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong đảm bảo ANTT trường học.

+ Duy trì đường dây nóng qua số điện thoại 0225.626.517 và 0903.287.034 khi cần thiết thì học sinh và phụ huynh kịp thời báo những vụ việc xảy ra liên quan đến công tác giáo dục của trường.

+ Lập hộp thư góp ý để tiếp nhận các ý kiến phản ánh có liên quan đến công tác giáo dục của trường.

+ Lấy ý kiến khảo sát trong học sinh các vấn đề có liên quan đến tình hình an ninh trật tự trong lớp, trường và những vấn đề xã hội khác có đối tượng là học sinh trường có tham gia.

- **Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, ngăn chặn các hoạt động vi phạm pháp luật xung quanh trường học**

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để b/c)
- UBND quận/huyện(để b/c) ;
- Phòng KTKĐCL(để b/c);
- Website trường;
- Lưu VT.

Hải Phòng, ngày 27 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Diệu